

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/7/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Nhung
Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bùi Thị Lệ Thủy – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2022, tại Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 01/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Kim T – Sinh năm: 1973

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

Tạm trú: Thôn 11, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1970

Nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

Tạm trú: Thôn 11, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

Nơi ở hiện nay: Thôn 7, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

(Bà Hà Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại bản tự khai ngày 29/3/2022, nguyên đơn bà Hà Thị Kim T trình bày:**
Tôi và ông Nguyễn Văn Đ tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ nghiện rượu, thường xuyên say xỉn và có hành vi quậy phá, bạo hành vợ con, gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ, tôi cũng đã cố gắng chịu đựng,

khuyên nhủ chồng nhưng ông Đ không thay đổi. Từ năm 2019 tôi và các con đã ra ngoài thuê phòng trọ sinh sống để các con yên ổn học hành nhưng ông Đ vẫn thường xuyên tìm đến quấy phá.

Tôi nhận thấy ông Đ không có ý thức và không thể thay đổi tật xấu của bản thân, hiện nay không còn tình cảm và cũng không còn muốn gắn bó với ông Đ nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Tôi và ông Đ có 02 con chung:

- Nguyễn Ngọc A – Sinh ngày: 16/11/2009
- Nguyễn Yến N – Sinh ngày: 02/3/2012

Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến N cho đến khi đủ 18 tuổi và đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc A cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng ông Đ đều vắng mặt, không tham gia tố tụng.

* Kết quả xác minh: Chính quyền địa phương cho biết ông Nguyễn Văn Đ hiện đang sinh sống tại Thôn 7, xã H, Tp. B. Quá trình chung sống tại địa phương giữa bà T và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không rõ về nguyên nhân mâu thuẫn. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà T với ông Đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Hà Thị Kim T; cho bà T được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Yến N cho bà Hà Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Ngọc A cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn bà Hà Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn Đ nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Đ vắng mặt không có lý do. Bà Hà Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hà Thị Kim T, ông Nguyễn Văn Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Hà Thị Kim T và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hà Thị Kim T, ý kiến và nguyện vọng của đương sự, kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông Đ có xảy ra mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và mở phiên hòa giải nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án để làm việc. Quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Văn Đ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Hà Thị Kim T và ông Nguyễn Văn Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Bà Hà Thị Kim T xác định, bà và ông Đ có 02 con chung là Nguyễn Ngọc A – Sinh ngày: 16/11/2009 và Nguyễn Yến N – Sinh ngày: 02/3/2012. Quá trình lấy lời khai, cả hai cháu A và N đều thể hiện nguyện vọng là muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên bà T có ý kiến là hiện nay điều kiện của bà không đảm bảo để chăm sóc cả hai con nên bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến N cho đến khi đủ 18 tuổi và đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc A cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Xét điều kiện, hoàn cảnh của bà T, ông Đ và để đảm bảo cho các quyền lợi cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Yến N – Sinh ngày: 02/3/2012 cho bà Hà Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Ngọc A – Sinh ngày: 16/11/2009 cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Hà Thị Kim T và ông Nguyễn Văn Đ được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Hà Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 241, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hà Thị Kim T. Cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Yến N cho bà Hà Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Ngọc A cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Hà Thị Kim T và ông Nguyễn Văn Đ được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Hà Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0012453 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B. Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã H, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang